

**KẾT QUẢ VÒNG 1 KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2016 VÀO CỤC THUẾ LẠNG SƠN**

(Kèm theo Thông báo số **3108** /TB-HĐTD ngày **05/9/2017** của Chủ tịch HĐTD công chức Tổng cục Thuế năm 2016)

| STT                                  | Họ             | Tên   | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                                                                        | Cơ sở đào tạo                                              | Chuyên ngành đào tạo              | Đối tượng ưu tiên | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|--------------------------------------|----------------|-------|----------------------|-------|------|------|-------|------|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|                                      |                |       | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                                                                 |                                                            |                                   |                   |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|                                      |                |       | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                                                                 |                                                            |                                   |                   |             |              |           |           |         |         |          |
| 1                                    | 2              | 3     | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                                                              | 11                                                         | 12                                | 13                | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| I. Chuyên viên và Kiểm tra viên thuế |                |       |                      |       |      |      |       |      |                                                                                 |                                                            |                                   |                   |             |              |           |           |         |         |          |
| 1                                    | TRẦN MAI       | AN    |                      |       |      | 23   | 2     | 1992 | Xã Tự Cường, huyện Tiên Lãm, thành phố Hải Phòng                                | Học viện Ngân hàng                                         | Ngân hàng thương mại              |                   | LSO00006    |              | VT        | VT        | VT      |         | LSO00076 |
| 2                                    | ĐÀO MAI        | ANH   |                      |       |      | 16   | 10    | 1991 | Khu An ninh, thị trấn Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn                                   | Học viện Tài chính                                         | Kinh tế                           |                   | LSO00012    |              | 55.00     | 70.00     | 75.00   |         | LSO00059 |
| 3                                    | HỨA HOÀNG      | ANH   |                      |       |      | 21   | 11    | 1993 | Xã Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn                                      | Học viện Tài Chính                                         | Kiểm toán                         | DTTS              | LSO00018    | 20           | 67.50     | 38.75     | 60.00   |         | LSO00116 |
| 4                                    | NGUYỄN QUỲNH   | ANH   |                      |       |      | 11   | 2     | 1990 | Nam Điền, Nam Trực, tỉnh Nam Định                                               | Trường Đại học Điện lực                                    | Kế toán                           |                   | LSO00026    |              | 32.50     | 41.25     | 52.50   |         | LSO00095 |
| 5                                    | NÔNG THỊ VÂN   | ANH   |                      |       |      | 14   | 4     | 1993 | Xã Thanh Nhật, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng                                     | Đại học Luật Hà Nội                                        | Luật                              | DTTS              | LSO00044    | 20           | 55.00     | 65.00     | 62.50   |         | LSO00064 |
| 6                                    | TRINH THỊ NGỌC | ANH   |                      |       |      | 14   | 9     | 1991 | Hòa Thắng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn                                        | Trường Đại học Kinh doanh & Công nghệ Hà Nội               | Kế toán                           |                   | LSO00058    |              | 72.50     | 52.50     | 50.00   |         | LSO00049 |
| 7                                    | VŨ TRẦN NGỌC   | ANH   |                      |       |      | 14   | 12    | 1994 | Trực Ninh, tỉnh Nam Định                                                        | Học viện Tài Chính                                         | Kế toán doanh nghiệp              | DTTS              | LSO00061    | 20           | 35.00     | 40.00     | 65.00   |         | LSO00043 |
| 8                                    | VI THỊ         | BẰNG  |                      |       |      | 2    | 8     | 1983 | Xã Tràng Các, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn                                     | Đại học kinh tế Quốc dân                                   | Kế toán                           | DTTS              | LSO00073    | 20           | 20.00     | 40.00     | 30.00   |         | LSO00088 |
| 9                                    | DƯƠNG THANH    | BẰNG  | 22                   | 8     | 1985 |      |       |      | Xã Vũ Sơn, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn                                         | Học viện Tài Chính                                         | Kế toán doanh nghiệp              | DTTS              | LSO00074    | 20           | 37.50     | 27.50     | 67.50   |         | LSO00041 |
| 10                                   | NGUYỄN THỊ KIM | CHI   |                      |       |      | 2    | 7     | 1991 | Xã Minh Côi, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ                                         | Học viện Tài chính                                         | Ngân hàng                         |                   | LSO00092    |              | 65.00     | 51.25     | 55.00   |         | LSO00031 |
| 11                                   | NGUYỄN ĐÌNH    | CHIẾN | 12                   | 5     | 1994 |      |       |      | Số 64, đường Lê Hồng Phong, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn | Đại học Kinh tế Quốc Dân                                   | Kinh tế phát triển                | DTTS              | LSO00099    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | LSO00068 |
| 12                                   | HOÀNG CÔNG     | CHÍNH | 27                   | 12    | 1992 |      |       |      | Thôn Nà Bung, xã Vĩnh Lại, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn                        | Đại học kinh tế và quản trị kinh doanh Đại học Thái Nguyên | Quản trị doanh nghiệp công nghiệp | DTTS              | LSO00104    | 20           | 90.00     | 57.50     | 85.00   |         | LSO00029 |
| 13                                   | LÝ THỊ KIM     | CÚC   |                      |       |      | 24   | 3     | 1985 | Xã Hoàng Văn Thụ, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn                                 | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân                            | Kế toán tổng hợp                  | DTTS              | LSO00116    | 20           | 82.50     | 68.75     | 75.00   |         | LSO00147 |
| 14                                   | VŨ HÙNG        | CƯỜNG | 14                   | 8     | 1990 |      |       |      | Trực Mỹ, Trực Ninh, tỉnh Nam Định                                               | Trường Đại học Quảng Tây trung Quốc                        | Kinh tế thương mại Quốc tế        | DTTS              | LSO00128    | 20           | 57.50     | MT        | 52.50   |         | LSO00016 |
| 15                                   | NÔNG MINH      | ĐẠT   | 3                    | 11    | 1987 |      |       |      | Huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn                                                 | Đại học kinh tế và quản trị kinh doanh Đại học Thái Nguyên | Kế toán                           | DTTS              | LSO00141    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | LSO00133 |
| 16                                   | NÔNG TIẾN      | ĐẠT   | 18                   | 8     | 1993 |      |       |      | Xã Xuân Tĩnh, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn                                     | Học viện Tài chính                                         | Kiểm toán                         | DTTS              | LSO00142    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | LSO00074 |
| 17                                   | VI KIỀU        | DIỄM  |                      |       |      | 18   | 2     | 1989 | Lân Sơn, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn                                          | Học viện Tài Chính                                         | Kế toán doanh nghiệp              | DTTS              | LSO00144    | 20           | 50.00     | 72.50     | 57.50   |         | LSO00100 |
| 18                                   | ĐỖ QUANG       | DIỆN  | 7                    | 5     | 1984 |      |       |      | Thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên                            | Học viện Tài Chính                                         | Thuế                              |                   | LSO00147    |              | 50.00     | 42.50     | 47.50   |         | LSO00024 |
| 19                                   | PHẠM THỊ BÍCH  | DIỆP  |                      |       |      | 16   | 10    | 1991 | Phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn                              | Đại học Đại Nam                                            | Kế toán                           |                   | LSO00149    |              | VT        | VT        | VT      |         | LSO00062 |
| 20                                   | VY THANH       | DIỆP  |                      |       |      | 28   | 1     | 1992 | Xã Hòa Bình, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn                                      | Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội                     | Tài chính                         | DTTS              | LSO00151    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | LSO00067 |
| 21                                   | ĐÀM VĂN        | ĐỘ    | 20                   | 3     | 1985 |      |       |      | Nà Chồn, Chu Túc, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn                                 | Trường Đại học Sao Đỏ                                      | Kế toán doanh nghiệp              | DTTS              | LSO00158    | 20           | 55.00     | 30.00     | 55.00   |         | LSO00103 |
| 22                                   | PHẠM MINH      | ĐỨC   | 13                   | 6     | 1994 |      |       |      | Xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên                                         | Trường Đại học Điện lực                                    | Kế toán doanh nghiệp              | DTTS              | LSO00166    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | LSO00128 |

| STT | Họ            | Tên   | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                                                        | Cơ sở đào tạo                                   | Chuyên ngành đào tạo                        | Đối tượng ưu tiên | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|-----|---------------|-------|----------------------|-------|------|------|-------|------|-----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|     |               |       | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                                                 |                                                 |                                             |                   |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|     |               |       | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                                                 |                                                 |                                             |                   |             |              |           |           |         |         |          |
| 1   | 2             | 3     | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                                              | 11                                              | 12                                          | 13                | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 23  | VI NHÂN       | ĐỨC   | 4                    | 8     | 1993 |      |       |      | Thôn Cây Hồng, thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn | Học viện khoa học xã hội Trung Khánh Trung Quốc | Quản trị kinh doanh                         | DTTS              | LSO00168    | 20           | 32.50     | MT        | 55.00   |         | LSO00130 |
| 24  | VI THÙY       | DUNG  |                      |       |      | 27   | 8     | 1989 | Xã Hưng Vũ, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn                        | Đại học Kinh tế - Đại học Quốc Gia Hà Nội       | Tài chính                                   | DTTS              | LSO00189    | 20           | 65.00     | 38.75     | 72.50   |         | LSO00015 |
| 25  | VƯƠNG THÙY    | DUNG  |                      |       |      | 18   | 12    | 1992 | Xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn                        | Đại học Luật Hà Nội                             | Luật                                        | DTTS              | LSO00190    | 20           | 55.00     | 55.00     | 52.50   |         | LSO00144 |
| 26  | NGUYỄN ANH    | DŨNG  | 15                   | 9     | 1984 |      |       |      | Xuân Dục, Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên                                 | Trường Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội   | Tài chính ngân hàng                         |                   | LSO00195    |              | VT        | VT        | VT      |         | LSO00102 |
| 27  | NGUYỄN QUANG  | DŨNG  | 15                   | 4     | 1992 |      |       |      | Xuân Tân, Xuân Trường, tỉnh Nam Định                            | Viện Đại học mở Hà Nội                          | Luật Quốc tế                                |                   | LSO00196    |              | VT        | VT        | VT      |         | LSO00101 |
| 28  | ĐỖ THÙY       | DƯƠNG |                      |       |      | 26   | 1     | 1987 | Thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn                               | Đại học Ngoại Thương                            | Kinh tế đối ngoại                           |                   | LSO00204    |              | VT        | VT        | VT      |         | LSO00005 |
| 29  | NÔNG THÙY     | DƯƠNG |                      |       |      | 7    | 11    | 1991 | Xã Tân Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn                      | Đại học kinh tế Quốc dân                        | Quản lý công                                | DTTS              | LSO00212    | 20           | 35.00     | 62.50     | 65.00   |         | LSO00032 |
| 30  | VŨ HỮU        | DƯƠNG | 27                   | 10    | 1977 |      |       |      | Xã Hải An, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định                         | Học viện Tài chính                              | Thuế                                        |                   | LSO00214    |              | 60.00     | 33.75     | 37.50   |         | LSO00027 |
| 31  | HOÀNG         | GIANG | 30                   | 10    | 1991 |      |       |      | Xã Long Đồng, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn                      | Trường Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội   | Kế toán                                     | DTTS              | LSO00229    | 20           | 47.50     | 32.50     | 47.50   |         | LSO00018 |
| 32  | HOÀNG LỆ      | GIANG |                      |       |      | 18   | 12    | 1991 | Nam Quan, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn                         | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân                 | Kế toán                                     | DTTS              | LSO00230    | 20           | 42.50     | 52.50     | 67.50   |         | LSO00134 |
| 33  | TRẦN THỊ HÀ   | GIANG |                      |       |      | 21   | 9     | 1993 | Thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn                | Học viện Nông nghiệp Việt Nam                   | Kinh tế                                     |                   | LSO00239    |              | 47.50     | 37.50     | 70.00   |         | LSO00056 |
| 34  | HOÀNG THỊ THU | HÀ    |                      |       |      | 25   | 8     | 1992 | Đồng Ý, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn                            | Trường Đại học Thương mại                       | Tài chính - Ngân hàng thương mại            | DTTS              | LSO00249    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | LSO00117 |
| 35  | LÊ THỊ HẢI    | HÀ    |                      |       |      | 29   | 3     | 1994 | Nậm Thông, xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn     | Đại học Ngoại Thương                            | Quản trị kinh doanh                         | DTTS              | LSO00251    | 20           | 55.00     | 53.75     | 60.00   |         | LSO00094 |
| 36  | NGUYỄN NGỌC   | HÀ    |                      |       |      | 15   | 5     | 1991 | Kiến An, Hải Phòng                                              | Đại học Kinh tế- Đại học Quốc gia Hà Nội        | Tài chính- ngân hàng                        | DTTS              | LSO00257    | 20           | VT        | MT        | VT      |         | LSO00063 |
| 37  | LƯU MỸ        | HẠ    |                      |       |      | 25   | 6     | 1994 | Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội                                        | Trường Đại học Thương mại                       | Quản trị doanh nghiệp thương mại            |                   | LSO00290    |              | 57.50     | 60.00     | 70.00   |         | LSO00138 |
| 38  | HOÀNG VĂN     | HẢI   | 15                   | 1     | 1991 |      |       |      | Xã Xuất Lễ, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn                        | Đại học kinh tế Quốc dân                        | Quản trị kinh doanh Quốc Tế                 | DTTS              | LSO00296    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | LSO00162 |
| 39  | NÔNG THANH    | HẢI   | 18                   | 11    | 1985 |      |       |      | Xã Tô Hiệu, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn                       | Trường Đại học Công nghệ thông tin              | Kế toán - Tài chính                         | DTTS              | LSO00303    | 20           | 50.00     | 33.75     | 65.00   |         | LSO00085 |
| 40  | PHẠM VĂN      | HẢI   | 24                   | 3     | 1993 |      |       |      | Xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh                       | Đại học Kinh tế quốc dân                        | Kế hoạch                                    |                   | LSO00304    |              | 40.00     | 63.75     | 70.00   |         | LSO00012 |
| 41  | CHU THU       | HĂNG  |                      |       |      | 28   | 12    | 1993 | Phố Đức Tâm 2, Thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn | Đại học Thương mại                              | Kế toán doanh nghiệp                        | DTTS              | LSO00312    | 20           | 57.50     | 35.00     | 62.50   |         | LSO00028 |
| 42  | ĐINH THỊ      | HĂNG  |                      |       |      | 25   | 5     | 1990 | Xã Thạch Đạn, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn                      | Học viện Ngân hàng                              | Kế toán doanh nghiệp                        | DTTS              | LSO00313    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | LSO00108 |
| 43  | LƯƠNG MINH    | HĂNG  |                      |       |      | 15   | 9     | 1994 | Xã Hạ Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng                       | Học viện Ngân hàng                              | Ngân hàng thương mại                        | DTTS              | LSO00324    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | LSO00154 |
| 44  | LƯƠNG THU     | HĂNG  |                      |       |      | 4    | 9     | 1984 | Anh Sơn, Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa                               | Trường Đại học Thương mại                       | Quản trị kinh doanh khách sạn du lịch       | Con TB            | LSO00326    | 20           | 40.00     | 32.50     | 45.00   |         | LSO00098 |
| 45  | NGUYỄN NGỌC   | HĂNG  |                      |       |      | 29   | 11    | 1988 | Chi Lăng, Lạng Sơn                                              | Trường Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội   | Tài chính ngân hàng                         |                   | LSO00329    |              | 65.00     | 53.75     | 75.00   |         | LSO00080 |
| 46  | VI THANH      | HĂNG  |                      |       |      | 31   | 10    | 1994 | Huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn                                   | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân                 | Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn | DTTS              | LSO00344    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | LSO00125 |
| 47  | CHU NGỌC      | HẠNH  |                      |       |      | 11   | 8     | 1992 | Thất Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn                       | Học viện Tài Chính                              | Tài chính doanh nghiệp                      | DTTS              | LSO00346    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | LSO00174 |

| STT | Họ               | Tên   | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                                                        | Cơ sở đào tạo                                              | Chuyên ngành đào tạo         | Đối tượng ưu tiên | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|-----|------------------|-------|----------------------|-------|------|------|-------|------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|------------------------------|-------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|     |                  |       | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                                                 |                                                            |                              |                   |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|     |                  |       | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                                                 |                                                            |                              |                   |             |              |           |           |         |         |          |
| 1   | 2                | 3     | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                                              | 11                                                         | 12                           | 13                | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 48  | LÊ THỊ DIỄM      | HẠNH  |                      |       |      | 23   | 9     | 1993 | Xã Thượng Cường, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn                  | Đại học Thương Mại                                         | Luật Thương Mại              | DTTS              | LSO00350    | 20           | 67.50     | 41.25     | 62.50   |         | LSO00078 |
| 49  | NGUYỄN HỒNG      | HẠNH  |                      |       |      | 2    | 3     | 1990 | phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | Trường Đại học Thương mại                                  | Kế toán doanh nghiệp         |                   | LSO00351    |              | 67.50     | 36.25     | 57.50   |         | LSO00044 |
| 50  | PHẠM THỊ HỒNG    | HẠNH  |                      |       |      | 17   | 9     | 1988 | Xã Hưng Long, huyện Hưng nguyên, tỉnh Nghệ An                   | Học viện Tài chính                                         | Kế toán doanh nghiệp         | Con TB            | LSO00356    | 20           | 57.50     | 53.75     | 65.00   |         | LSO00142 |
| 51  | TRẦN HỒNG        | HẠNH  |                      |       |      | 12   | 3     | 1994 | Xã Thiện Thuật, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn                   | Đại học Ngoại Thương                                       | Kinh tế đối ngoại            | DTTS              | LSO00358    | 20           | 87.50     | 85.00     | 80.00   |         | LSO00090 |
| 52  | NGUYỄN THỊ       | HIỀN  |                      |       |      | 3    | 1     | 1993 | Thủy Hòa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh                        | Học viện Tài Chính                                         | Kinh doanh chứng khoán       |                   | LSO00388    |              | 47.50     | 37.50     | 60.00   |         | LSO00161 |
| 53  | HÀ VĂN           | HIỆP  | 24                   | 2     | 1990 |      |       |      | Thôn Nà Mẩn, xã Đào Viên, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn       | Trường Đại học Sao Đỏ                                      | Kế toán doanh nghiệp         | DTTS              | LSO00401    | 20           | 45.00     | 47.50     | 37.50   |         | LSO00123 |
| 54  | HOÀNG THỊ NGOC   | HIẾU  |                      |       |      | 8    | 9     | 1984 | Huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn                                    | Đại học kinh tế và Quản trị kinh doanh                     | Kế toán tổng hợp             | DTTS              | LSO00408    | 20           | 32.50     | 33.75     | MT      |         | LSO00165 |
| 55  | DƯƠNG THỊ        | HÒA   |                      |       |      | 20   | 10    | 1989 | Thôn vũ Thắng B, xã Tân Trí, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn       | Đại học Kinh tế quốc dân                                   | Tài chính ngân hàng          | DTTS              | LSO00424    | 20           | 52.50     | 36.25     | 57.50   |         | LSO00010 |
| 56  | HOÀNG XUÂN       | HÒA   | 10                   | 12    | 1988 |      |       |      | Bà Xó, xã Hữu Lễ, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn                 | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân                            | Quản lý kinh tế              | DTTS              | LSO00426    | 20           | 27.50     | 40.00     | 52.50   |         | LSO00106 |
| 57  | VY THANH         | HÒA   |                      |       |      | 4    | 9     | 1992 | Xã Đại An, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn                        | Trường Đại học FPT                                         | Tài chính doanh nghiệp       | DTTS              | LSO00429    | 20           | 67.50     | 83.75     | 72.50   |         | LSO00173 |
| 58  | NGUYỄN THỊ       | HOÀI  |                      |       |      | 8    | 3     | 1994 | Xã Đồng Sơn, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định                      | Đại học Luật Hà Nội                                        | Luật Kinh tế                 | DTTS              | LSO00433    | 20           | 75.00     | 67.50     | 80.00   |         | LSO00072 |
| 59  | NÔNG THỊ THU     | HOÀI  |                      |       |      | 22   | 5     | 1989 | Xã Quốc Việt, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn                   | Đại học kinh tế và quản trị kinh doanh Đại học Thái Nguyên | Kế toán tổng hợp             | DTTS              | LSO00439    | 20           | 70.00     | 33.75     | 67.50   |         | LSO00025 |
| 60  | LÂM QUỐC         | HOÀNG | 23                   | 1     | 1992 |      |       |      | Thôn Khuổi Con, xã Minh Khai, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn     | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân                            | Kinh tế phát triển           | DTTS              | LSO00447    | 20           | 82.50     | 62.50     | 67.50   |         | LSO00022 |
| 61  | PHẠM THỊ MINH    | HỒNG  |                      |       |      | 9    | 10    | 1993 | Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên                    | Đại học Quảng Tây Trung Quốc                               | Kinh tế - Thương mại quốc tế | DTTS              | LSO00466    | 20           | 32.50     | MT        | 40.00   |         | LSO00008 |
| 62  | HOÀNG MINH       | HUỆ   |                      |       |      | 26   | 1     | 1992 | Xã Đại An, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn                        | Đại học Luật Hà Nội                                        | Luật                         | DTTS              | LSO00483    | 20           | 42.50     | 50.00     | 52.50   |         | LSO00066 |
| 63  | HỮA THỊ BÍCH     | HUỆ   |                      |       |      | 9    | 8     | 1990 | Xã Đại An, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn                        | Học viện Tài Chính                                         | Kế toán doanh nghiệp         | DTTS              | LSO00484    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | LSO00169 |
| 64  | PHÙNG THỊ        | HUỆ   |                      |       |      | 3    | 5     | 1992 | Xã Yên Phúc, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn                      | Đại học Công nghiệp Hà Nội                                 | Tài chính ngân hàng          | DTTS              | LSO00491    | 20           | 75.00     | 33.75     | 70.00   |         | LSO00079 |
| 65  | CHU VĂN          | HÙNG  | 18                   | 3     | 1991 |      |       |      | Xã Hải Yến, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn                        | Học viện Tài chính                                         | Tài chính doanh nghiệp       | DTTS              | LSO00493    | 20           | 52.50     | 40.00     | 60.00   |         | LSO00096 |
| 66  | LƯƠNG ĐÌNH       | HÙNG  | 8                    | 4     | 1992 |      |       |      | Xã Tân Việt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên                        | Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội                     | Tài chính                    |                   | LSO00499    |              | 62.50     | 45.00     | 65.00   |         | LSO00002 |
| 67  | VŨ VIỆT          | HƯNG  | 15                   | 10    | 1990 |      |       |      | Thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn                               | Đại học Kinh tế quốc dân                                   | Tài chính ngân hàng          |                   | LSO00509    |              | VT        | VT        | VT      |         | LSO00007 |
| 68  | HOÀNG THU        | HƯƠNG |                      |       |      | 20   | 1     | 1994 | Xã Yên Khoái, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn                     | Trường Đại học Luật Hà Nội                                 | Luật                         | DTTS              | LSO00518    | 20           | 47.50     | 32.50     | 42.50   |         | LSO00129 |
| 69  | NGUYỄN THỊ LAN   | HƯƠNG |                      |       |      | 22   | 12    | 1994 | Xã Hòa Phú, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội                     | Trường Đại học Luật Hà Nội                                 | Luật Kinh tế                 | DTTS              | LSO00529    | 20           | 75.00     | 76.25     | 72.50   |         | LSO00040 |
| 70  | NGUYỄN MINH      | HUYỀN |                      |       |      | 12   | 9     | 1993 | Xã Minh Hương, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình                 | Học viện Tài Chính                                         | Kế toán doanh nghiệp         | DTTS              | LSO00573    | 20           | 52.50     | 62.50     | 70.00   |         | LSO00097 |
| 71  | NGUYỄN THỊ THANH | HUYỀN |                      |       |      | 15   | 10    | 1993 | Tự Nhiên, Thường Tín, Hà Nội                                    | Học viện Tài Chính                                         | Ngân hàng                    | DTTS              | LSO00579    | 20           | 92.50     | 70.00     | 80.00   |         | LSO00013 |
| 72  | PHẠM THỊ THU     | HUYỀN |                      |       |      | 10   | 10    | 1985 | Thanh Hương, Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam                            | Trường Đại học Sao Đỏ                                      | Kế toán doanh nghiệp         |                   | LSO00589    |              | 70.00     | 35.00     | 42.50   |         | LSO00023 |
| 73  | VŨ THÚY          | HUYỀN |                      |       |      | 9    | 7     | 1992 | Huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định                                  | Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội             | Kế toán doanh nghiệp         |                   | LSO00595    |              | 35.00     | 33.75     | 82.50   |         | LSO00047 |

| STT | Họ               | Tên   | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                                                   | Cơ sở đào tạo                                                     | Chuyên ngành đào tạo         | Đối tượng ưu tiên | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|-----|------------------|-------|----------------------|-------|------|------|-------|------|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|------------------------------|-------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|     |                  |       | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                                            |                                                                   |                              |                   |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|     |                  |       | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                                            |                                                                   |                              |                   |             |              |           |           |         |         |          |
| 1   | 2                | 3     | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                                         | 11                                                                | 12                           | 13                | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 74  | ĐÀM MINH         | KHÔI  | 21                   | 3     | 1991 |      |       |      | Xã Trảng Phái, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn               | Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội                            | Tài chính                    | DTTS              | LSO00603    | 20           | 52.50     | 37.50     | 65.00   |         | LSO00001 |
| 75  | NGUYỄN NGỌC      | LAN   |                      |       |      | 14   | 11    | 1989 | Xã Y Tịch, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn                   | Trường Đại học Đại Nam                                            | Ngân hàng thương mại         | DTTS              | LSO00634    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | LSO00148 |
| 76  | BẾ THỊ THANH     | LÊ    |                      |       |      | 26   | 5     | 1990 | Bản Ne, xã Trí Phương, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn     | Trường Đại học chu Văn An                                         | Tài chính ngân hàng          | DTTS              | LSO00646    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | LSO00118 |
| 77  | TÔ THỊ THANH     | LIỄU  |                      |       |      | 23   | 12    | 1983 | Gia Cát, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn                      | Trường Đại học Bình Dương                                         | Quản trị kế toán             | DTTS              | LSO00671    | 20           | 57.50     | 38.75     | 62.50   |         | LSO00107 |
| 78  | ĐỒNG KHÁNH       | LINH  |                      |       |      | 2    | 9     | 1994 | Thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn                          | Đại học Ngoại thương                                              | Kinh doanh quốc tế           |                   | LSO00678    |              | 85.00     | 83.75     | 72.50   |         | LSO00065 |
| 79  | NGÔ THÙY         | LINH  |                      |       |      | 8    | 12    | 1991 | Xã Đình Phùng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình            | Đại học kinh tế Quốc dân                                          | Kế toán tổng hợp             | DTTS              | LSO00690    | 20           | 77.50     | 41.25     | 77.50   |         | LSO00033 |
| 80  | NGUYỄN THỊ THÙY  | LINH  |                      |       |      | 24   | 4     | 1994 | Thị trấn Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn             | Học viện Tài Chính                                                | Kế toán doanh nghiệp         |                   | LSO00698    |              | VT        | VT        | VT      |         | LSO00084 |
| 81  | PHẠM THỊ KHÁNH   | LINH  |                      |       |      | 26   | 10    | 1994 | Xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương                 | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân                                   | Luật Kinh doanh Quốc Tế      |                   | LSO00705    |              | 67.50     | 72.50     | 67.50   |         | LSO00054 |
| 82  | TẠ THỊ THÙY      | LINH  |                      |       |      | 29   | 6     | 1990 | Huyện Mê Linh, Hà Nội                                      | Trường Đại học Đại Nam                                            | Kế toán                      |                   | LSO00709    |              | VT        | VT        | VT      |         | LSO00140 |
| 83  | ĐẶNG PHƯƠNG      | LOAN  |                      |       |      | 5    | 11    | 1993 | Xã Nam Hồng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định                 | Học viện Tài Chính                                                | Kế toán doanh nghiệp         |                   | LSO00719    |              | 50.00     | MT        | 77.50   |         | LSO00175 |
| 84  | ĐINH PHƯƠNG      | LOAN  |                      |       |      | 1    | 6     | 1991 | Xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn                 | Đại học kinh tế và quản trị kinh doanh Thái Nguyên                | Kế toán tổng hợp             | DTTS              | LSO00720    | 20           | 35.00     | 30.00     | 55.00   |         | LSO00091 |
| 85  | NÔNG THỊ NGỌC    | LOAN  |                      |       |      | 31   | 7     | 1984 | Xã Chí Viễn, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng              | Đại học kinh tế và quản trị kinh doanh Đại học Thái Nguyên        | Kế toán tổng hợp             | Con TB            | LSO00725    | 20           | 47.50     | 32.50     | MT      |         | LSO00155 |
| 86  | NÔNG VĂN         | LONG  | 24                   | 11    | 1982 |      |       |      | Xã Đại Đồng, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn               | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân                                   | Ngân hàng                    | DTTS              | LSO00739    | 20           | 55.00     | 31.25     | 75.00   |         | LSO00114 |
| 87  | PHAN THANH       | LONG  | 8                    | 8     | 1988 |      |       |      | Xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh                   | Đại học Kinh tế và quản trị kinh doanh Đại học Thái Nguyên        | Quản lý kinh tế              | HTNVQS            | LSO00741    | 10           | 45.00     | 41.25     | 70.00   |         | LSO00071 |
| 88  | TRƯƠNG VĂN       | LƯƠNG | 18                   | 1     | 1990 |      |       |      | Thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn             | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân                                   | Quản trị kinh doanh tổng hợp | DTTS              | LSO00747    | 20           | 40.00     | 52.50     | 57.50   |         | LSO00113 |
| 89  | NÔNG THỊ KHÁNH   | LY    |                      |       |      | 25   | 10    | 1992 | Xã Quốc Việt, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn              | Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh Đại học Thái Nguyên | Kinh tế đầu tư               | DTTS              | LSO00756    | 20           | 75.00     | 63.75     | 50.00   |         | LSO00017 |
| 90  | HOÀNG THẢO       | MAI   |                      |       |      | 6    | 11    | 1993 | Thị trấn Bình Gia, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn           | Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh đại học Thái Nguyên | Kế toán tổng hợp             | DTTS              | LSO00764    | 20           | 50.00     | 45.00     | 65.00   |         | LSO00026 |
| 91  | MÔNG THỊ         | MAI   |                      |       |      | 6    | 6     | 1987 | Thôn Ca Siêu, xã Thiện Long, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn | Học viện Tài chính                                                | Ngân hàng                    | DTTS              | LSO00765    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | LSO00112 |
| 92  | NÔNG THỊ TUYẾT   | MAI   |                      |       |      | 23   | 5     | 1987 | Xã Đồng Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn                | Viện Đại học mở Hà Nội                                            | Tài chính ngân hàng          | DTTS              | LSO00772    | 20           | 50.00     | 37.50     | 65.00   |         | LSO00087 |
| 93  | CAO ĐỨC          | MẠNH  | 1                    | 3     | 1993 |      |       |      | Thị trấn Đồng Mô, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn            | Học viện Ngân Hàng                                                | Ngân hàng thương mại         | DTTS              | LSO00782    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | LSO00152 |
| 94  | DƯƠNG ĐỨC        | MẠNH  | 19                   | 8     | 1993 |      |       |      | Thiện Kế, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang                | Trường Đại học Quốc Gia Hà Nội                                    | Luật học chuẩn               | DTTS              | LSO00784    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | LSO00052 |
| 95  | BA THÚY          | NGA   |                      |       |      | 22   | 12    | 1990 | phường Đồng Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn        | Trường Đại học mở Hà Nội                                          | Ngân hàng thương mại         | DTTS              | LSO00809    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | LSO00119 |
| 96  | CHU THỊ          | NGA   |                      |       |      | 11   | 11    | 1992 | Chợ Bải, xã Yên Phúc, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn        | Học viện Tài Chính                                                | Tài chính ngân hàng          | DTTS              | LSO00810    | 20           | 85.00     | 61.25     | 82.50   |         | LSO00014 |
| 97  | HOÀNG HẰNG       | NGA   |                      |       |      | 17   | 1     | 1993 | Phường Đồng Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn        | Học viện Tài chính                                                | Kế toán doanh nghiệp         | DTTS              | LSO00816    | 20           | 57.50     | 65.00     | 57.50   |         | LSO00057 |
| 98  | HOÀNG THỊ        | NGA   |                      |       |      | 3    | 8     | 1992 | Chi Mạc, xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn  | Đại học Thương Mại                                                | Kế toán doanh nghiệp         | DTTS              | LSO00817    | 20           | 55.00     | 37.50     | 65.00   |         | LSO00157 |
| 99  | NGUYỄN THỊ QUỲNH | NGA   |                      |       |      | 24   | 10    | 1987 | Phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn    | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân                                   | Kiểm toán                    | DTTS              | LSO00824    | 20           | 62.50     | 60.00     | 60.00   |         | LSO00177 |

| STT | Họ              | Tên    | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                                                        | Cơ sở đào tạo                                                     | Chuyên ngành đào tạo                        | Đối tượng ưu tiên | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|-----|-----------------|--------|----------------------|-------|------|------|-------|------|-----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|     |                 |        | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                                                 |                                                                   |                                             |                   |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|     |                 |        | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                                                 |                                                                   |                                             |                   |             |              |           |           |         |         |          |
| 1   | 2               | 3      | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                                              | 11                                                                | 12                                          | 13                | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 100 | NÔNG HỒNG       | NGA    |                      |       |      | 17   | 4     | 1992 | Xuân Long, Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn                               | Học viện Tài Chính                                                | Kế toán doanh nghiệp                        | DTTS              | LSO00825    | 20           | 45.00     | 33.75     | 67.50   |         | LSO00127 |
| 101 | VY THU          | NGA    |                      |       |      | 8    | 11    | 1983 | Xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn                | Trường Đại học Sao Đỏ                                             | Kế toán doanh nghiệp                        | DTTS              | LSO00829    | 20           | 52.50     | 55.00     | 47.50   |         | LSO00132 |
| 102 | HOÀNG HẢI       | NGÂN   |                      |       |      | 15   | 12    | 1991 | Xã Long Đồng, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn                      | Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội                            | Tài chính                                   | DTTS              | LSO00835    | 20           | 45.00     | 43.75     | 65.00   |         | LSO00006 |
| 103 | NÔNG THÚY       | NGÂN   |                      |       |      | 7    | 3     | 1986 | Huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn                                   | Học viện Tài Chính                                                | Định giá tài sản và kinh doanh bất động sản | DTTS              | LSO00838    | 20           | 45.00     | 40.00     | 45.00   |         | LSO00159 |
| 104 | HOÀNG TUẤN      | NGHĨA  | 14                   | 7     | 1982 |      |       |      | Xã Thái Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương                     | Đại học Thái Nguyên                                               | Luật Kinh tế                                |                   | LSO00844    |              | 62.50     | 37.50     | 65.00   |         | LSO00019 |
| 105 | BÙI HOÀNG BẢO   | NGỌC   |                      |       |      | 30   | 12    | 1990 | Nà Hoa, Hồ Sơn, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn                   | Học viện Tài Chính                                                | Tài chính Doanh nghiệp                      | DTTS              | LSO00850    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | LSO00164 |
| 106 | LÊ BÍCH         | NGỌC   |                      |       |      | 6    | 1     | 1991 | Xã Ngũ Kiên, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc                   | Trường Đại học Công đoàn                                          | Quản trị kinh doanh tổng hợp                |                   | LSO00857    |              | VT        | VT        | VT      |         | LSO00104 |
| 107 | LÊ HỒNG         | NGỌC   |                      |       |      | 15   | 5     | 1993 | Thanh Trì, Hà Nội                                               | Học viện Tài chính                                                | Quản lý tài chính công                      |                   | LSO00858    |              | 42.50     | 58.75     | 62.50   |         | LSO00178 |
| 108 | NÔNG TIÊU       | NGỌC   |                      |       |      | 25   | 3     | 1991 | Huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn                                   | Học viện Tài Chính                                                | Kế toán doanh nghiệp                        | DTTS              | LSO00870    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | LSO00109 |
| 109 | DƯƠNG THỊ MINH  | NGUYỆT |                      |       |      | 2    | 8     | 1994 | Lạng Sơn                                                        | Đại học Lâm nghiệp                                                | Kế toán                                     | DTTS              | LSO00847    | 20           | 65.00     | 48.75     | 67.50   |         | LSO00069 |
| 110 | MAI THỊ BÍCH    | NGUYỆT |                      |       |      | 11   | 12    | 1991 | Xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa                     | Học viện Tài chính                                                | Kế toán doanh nghiệp                        | DTTS              | LSO00881    | 20           | 72.50     | 28.75     | 67.50   |         | LSO00058 |
| 111 | NÔNG MINH       | NGUYỆT |                      |       |      | 28   | 3     | 1993 | Xã Quang Trung, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn                   | Học viện Tài Chính                                                | Thuế                                        | DTTS              | LSO00884    | 20           | 47.50     | 38.75     | 57.50   |         | LSO00105 |
| 112 | NÔNG THỊ        | NHẬT   |                      |       |      | 27   | 7     | 1993 | Thôn Pồ Đồn, xã Tân tri, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn           | Học viện Ngân hàng                                                | Ngân hàng thương mại                        | DTTS              | LSO00895    | 20           | 60.00     | 53.75     | 75.00   |         | LSO00073 |
| 113 | LƯU PHƯƠNG      | NHI    |                      |       |      | 15   | 11    | 1992 | Quảng Đông, Trung Quốc                                          | Đại học Lao động - Xã Hội                                         | Kế toán                                     | DTTS              | LSO00896    | 20           | 32.50     | 51.25     | 37.50   |         | LSO00141 |
| 114 | TRIỆU LAN       | NHI    |                      |       |      | 20   | 6     | 1994 | Xã Yên Phúc, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn                      | Học viện Tài chính                                                | Thuế                                        | DTTS              | LSO00899    | 20           | 42.50     | 67.50     | 67.50   |         | LSO00176 |
| 115 | HOÀNG QUANG     | NINH   | 9                    | 6     | 1988 |      |       |      | Thôn Minh Quang, xã Long Đồng, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn     | Đại học Điện Lực                                                  | Kế toán                                     | DTTS              | LSO00923    | 20           | 22.50     | 26.25     | 45.00   |         | LSO00166 |
| 116 | MA THÙY         | NINH   |                      |       |      | 7    | 3     | 1989 | Thôn Kéo Lầy, xã Đề Thám, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn       | Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội                            | Quản trị kinh doanh                         | DTTS              | LSO00924    | 20           | 40.00     | 50.00     | MT      |         | LSO00009 |
| 117 | CHU THỊ         | NƯỞNG  |                      |       |      | 9    | 9     | 1993 | Thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn                | Học viện Tài Chính                                                | Kế toán doanh nghiệp                        | DTTS              | LSO00925    | 20           | 67.50     | 60.00     | 65.00   |         | LSO00053 |
| 118 | NGUYỄN THỊ KIỀU | OANH   |                      |       |      | 20   | 4     | 1993 | Xã Sơn Mỹ, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh                        | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân                                   | Quản trị kinh doanh thương mại              |                   | LSO00931    |              | VT        | VT        | VT      |         | LSO00151 |
| 119 | ĐÀO LAN         | PHƯƠNG |                      |       |      | 16   | 1     | 1990 | Thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn                               | Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp                     | Tài chính ngân hàng                         |                   | LSO00941    |              | 65.00     | 36.25     | 62.50   |         | LSO00038 |
| 120 | LÂM HUYỀN       | PHƯƠNG |                      |       |      | 13   | 1     | 1989 | Thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn                | Học viện Ngân Hàng                                                | Thanh toán Quốc tế                          | DTTS              | LSO00948    | 20           | 62.50     | 55.00     | 72.50   |         | LSO00020 |
| 121 | PHẠM THU        | PHƯƠNG |                      |       |      | 1    | 7     | 1984 | Quốc Việt, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn                      | Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh Đại học Thái Nguyên | Kế toán tổng hợp                            | DTTS              | LSO00971    | 20           | 22.50     | 37.50     | 50.00   |         | LSO00046 |
| 122 | NGUYỄN THỊ MINH | PHƯƠNG |                      |       |      | 25   | 3     | 1993 | Tiến Thắng, Minh Linh, tỉnh Vĩnh Phúc                           | Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh Đại học Thái Nguyên | Tài chính doanh nghiệp                      |                   | LSO00993    |              | 72.50     | 82.50     | 77.50   |         | LSO00021 |
| 123 | HOÀNG VĂN       | QUÝ    | 17                   | 2     | 1973 |      |       |      | Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn                         | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân                                   | Kế toán tổng hợp                            | DTTS              | LSO01015    | 20           | 17.50     | 28.75     | 25.00   |         | LSO00099 |
| 124 | NÔNG THỊ        | SEN    |                      |       |      | 3    | 9     | 1993 | Thôn Long Thịnh, xã Quốc Khánh, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn | Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh Đại học Thái Nguyên | Quản lý kinh tế                             | DTTS              | LSO01049    | 20           | 72.50     | 40.00     | 75.00   |         | LSO00048 |
| 125 | HOÀNG VĂN       | SƠN    | 10                   | 5     | 1993 |      |       |      | Xã Đại An, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn                        | Trường Đại học công nghiệp Hà Nội                                 | Quản trị kinh doanh                         | DTTS              | LSO01055    | 20           | 40.00     | 42.50     | 37.50   |         | LSO00131 |
| 126 | NÔNG MINH       | TÂM    | 27                   | 5     | 1991 |      |       |      | Xã Kiên Mộc, huện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn                       | Học viện Tài Chính                                                | Quản lý tài chính công                      | DTTS              | LSO01070    | 20           | 65.00     | 37.50     | 62.50   |         | LSO00122 |

*Nguyễn*

| STT | Họ               | Tên   | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                                                     | Cơ sở đào tạo                                  | Chuyên ngành đào tạo   | Đối tượng ưu tiên | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|-----|------------------|-------|----------------------|-------|------|------|-------|------|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------|-------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|     |                  |       | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                                              |                                                |                        |                   |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|     |                  |       | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                                              |                                                |                        |                   |             |              |           |           |         |         |          |
| 1   | 2                | 3     | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                                           | 11                                             | 12                     | 13                | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 127 | TRẦN THỊ         | TÂM   |                      |       |      | 2    | 10    | 1984 | Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình                     | Trường Đại học Lương Thế Vinh                  | Kế toán                |                   | LSO01071    |              | 55.00     | 38.75     | 62.50   |         | LSO00042 |
| 128 | ĐINH CÔNG        | THẮNG | 1                    | 10    | 1991 |      |       |      | Xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội               | Học viện Tài Chính                             | Tài chính doanh nghiệp | DTTS              | LSO01088    | 20           | 65.00     | 63.75     | 80.00   |         | LSO00036 |
| 129 | DƯƠNG PHƯƠNG     | THANH |                      |       |      | 9    | 12    | 1990 | Xã Long Đồng, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn                   | Trường Đại học Kinh tế Đại học Quốc Gia Hà Nội | Ngân hàng              | DTTS              | LSO01094    | 20           | 37.50     | MT        | 57.50   |         | LSO00050 |
| 130 | HOÀNG XUÂN       | THANH | 15                   | 6     | 1993 |      |       |      | phường Tam Thanh, TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn                 | Trường Đại học Trà Vinh                        | Tài chính ngân hàng    | DTTS              | LSO01095    | 20           | 37.50     | 40.00     | 77.50   |         | LSO00004 |
| 131 | NGUYỄN VĂN       | THÀNH | 13                   | 11    | 1991 |      |       |      | Thị trấn Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh                              | Đại học Đại Nam                                | Tài chính Doanh nghiệp |                   | LSO01111    |              | 52.50     | 32.50     | 52.50   |         | LSO00061 |
| 132 | DƯƠNG NHƯ        | THẢO  |                      |       |      | 17   | 5     | 1987 | Thị trấn Hùng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn                  | Trường Đại học Sao Đỏ                          | Kế toán doanh nghiệp   | DTTS              | LSO01122    | 20           | 50.00     | 31.25     | 75.00   |         | LSO00170 |
| 133 | LƯU THỊ          | THẢO  |                      |       |      | 20   | 4     | 1989 | Thôn Thâm Mò, xã Phú Xá, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn        | Viện Đại học mở Hà Nội                         | Tài chính ngân hàng    | DTTS              | LSO01130    | 20           | 62.50     | 33.75     | 60.00   |         | LSO00126 |
| 134 | VŨ THU           | THẢO  |                      |       |      | 14   | 3     | 1993 | Xã Tân Thịnh, Nam Trực, tỉnh Nam Định                        | Trường Đại học TOULON Cộng Hòa Pháp            | Ngân hàng Bảo Hiểm     |                   | LSO01158    |              | VT        | MT        | VT      |         | LSO00135 |
| 135 | NGUYỄN THỊ KIM   | THOẠI |                      |       |      | 7    | 3     | 1993 | Xã Minh Côi, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ                      | Học viện công nghệ bưu chính viễn thông        | Kế toán                |                   | LSO01173    |              | 35.00     | 30.00     | 70.00   |         | LSO00030 |
| 136 | ĐÀO KIM          | THOẠI |                      |       |      | 6    | 11    | 1994 | Huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn                                | Học viện Ngân Hàng                             | Ngân hàng thương mại   | DTTS              | LSO01178    | 20           | 57.50     | 51.25     | 77.50   |         | LSO00146 |
| 137 | LÃNH MINH        | THUẬN | 21                   | 1     | 1983 |      |       |      | Thôn Cón Riêng, xã Tràng Phái, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn | Học viện Tài Chính                             | Tài chính Doanh nghiệp | DTTS              | LSO01206    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | LSO00167 |
| 138 | NGUYỄN THỊ       | THÚY  |                      |       |      | 7    | 9     | 1988 | Tân Kỳ, Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương                                | Học viện Tài Chính                             | Ngân hàng              |                   | LSO01223    |              | VT        | VT        | VT      |         | LSO00171 |
| 139 | SÂM PHƯƠNG       | THÚY  |                      |       |      | 20   | 1     | 1989 | Xã Đề Thám, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn                  | Học viện Ngân Hàng                             | Tài chính ngân hàng    | DTTS              | LSO01227    | 20           | 45.00     | 38.75     | 47.50   |         | LSO00145 |
| 140 | HOÀNG THỊ        | THÙY  |                      |       |      | 4    | 4     | 1990 | Xã Kháng Chiến, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn              | Trường Đại học kinh doanh và Công nghệ Hà Nội  | Tài chính ngân hàng    | DTTS              | LSO01230    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | LSO00037 |
| 141 | NÔNG QUANG       | TIẾN  | 10                   | 7     | 1980 |      |       |      | Xã Đại Đồng, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn                 | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân                | Ngân hàng              | DTTS              | LSO01261    | 20           | 37.50     | 30.00     | 25.00   |         | LSO00110 |
| 142 | TÔ THỊ           | TRÀ   |                      |       |      | 15   | 6     | 1992 | Làng Đầy, Nhất Tiến, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn            | Học viện Ngân Hàng                             | Quản trị marketing     | DTTS              | LSO01274    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | LSO00136 |
| 143 | BÙI THỊ THU      | TRÂM  |                      |       |      | 4    | 1     | 1994 | Xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình                  | Học viện Tài Chính                             | Quản lý tài chính công |                   | LSO01275    |              | 42.50     | 57.50     | 72.50   |         | LSO00115 |
| 144 | CHU LINH         | TRANG |                      |       |      | 5    | 8     | 1993 | Xã Nhân Lý, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn                    | Đại học Luật Hà Nội                            | Luật                   | DTTS              | LSO01279    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | LSO00070 |
| 145 | NGỌC HƯƠNG       | TRANG |                      |       |      | 22   | 8     | 1992 | Xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn                     | Học viện Ngân Hàng                             | Quản trị marketing     | DTTS              | LSO01308    | 20           | 47.50     | 43.75     | 75.00   |         | LSO00143 |
| 146 | NGUYỄN HUYỀN     | TRANG |                      |       |      | 21   | 8     | 1992 | Xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình                   | Học viện Tài Chính                             | Tài chính ngân hàng    |                   | LSO01311    |              | VT        | VT        | VT      |         | LSO00149 |
| 147 | NGUYỄN THỊ HUYỀN | TRANG |                      |       |      | 24   | 10    | 1986 | Phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn           | Học viện Ngân hàng                             | Tài chính ngân hàng    |                   | LSO01319    |              | 52.50     | 31.25     | 60.00   |         | LSO00089 |
| 148 | TRẦN THỊ THÙY    | TRANG |                      |       |      | 13   | 8     | 1990 | Xã Tô Hiệu, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn                    | Trường Đại học Công đoàn                       | Kế toán                |                   | LSO01343    |              | 40.00     | 57.50     | 72.50   |         | LSO00051 |
| 149 | VŨ MINH          | TRANG |                      |       |      | 21   | 12    | 1993 | Xã Nam Hoa, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định                    | Học viện Tài Chính                             | Tài chính ngân hàng    |                   | LSO01345    |              | VT        | VT        | VT      |         | LSO00093 |
| 150 | VŨ THỊ PHƯƠNG    | TRINH |                      |       |      | 24   | 10    | 1993 | Cẩm Bình, Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương                          | Trường Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội  | Quản trị kinh doanh    |                   | LSO01354    |              | VT        | VT        | VT      |         | LSO00124 |
| 151 | LƯƠNG VĂN        | TRỌNG | 1                    | 1     | 1989 |      |       |      | Xã Minh Khai, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn                  | Học viện Tài Chính                             | Ngân hàng              | DTTS              | LSO01355    | 20           | 45.00     | 40.00     | 62.50   |         | LSO00160 |
| 152 | NGUYỄN KHÁC      | TRUNG | 30                   | 12    | 1989 |      |       |      | Xã Kháng Chiến, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn              | Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội         | Tài chính ngân hàng    | DTTS              | LSO01362    | 20           | 45.00     | 38.75     | 60.00   |         | LSO00156 |
| 153 | PHẠM THỊ NGỌC    | TÚ    |                      |       |      | 5    | 11    | 1994 | Thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn              | Học viện Tài Chính                             | Tài chính - Ngân hàng  |                   | LSO01372    |              | 70.00     | 50.00     | 75.00   |         | LSO00121 |
| 154 | LÊ MINH          | TUÂN  | 31                   | 3     | 1989 |      |       |      | Thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn             | Học viện Ngân Hàng                             | Tài chính doanh nghiệp | DTTS              | LSO01375    | 20           | 55.00     | 55.00     | 65.00   |         | LSO00034 |

| STT                                       | Họ               | Tên    | Ngày, tháng năm sinh |       |      |      |       |      | Quê quán                                                    | Cơ sở đào tạo                                                          | Chuyên ngành đào tạo            | Đối tượng ưu tiên | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         |    | Ghi chú  | Mã hồ sơ |
|-------------------------------------------|------------------|--------|----------------------|-------|------|------|-------|------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|----|----------|----------|
|                                           |                  |        | Nam                  |       |      | Nữ   |       |      |                                                             |                                                                        |                                 |                   |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |    |          |          |
|                                           |                  |        | Ngày                 | Tháng | Năm  | Ngày | Tháng | Năm  |                                                             |                                                                        |                                 |                   |             |              |           |           |         |    |          |          |
| 1                                         | 2                | 3      | 4                    | 5     | 6    | 7    | 8     | 9    | 10                                                          | 11                                                                     | 12                              | 13                | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19 | 20       |          |
| 155                                       | BÙI MINH         | TUẤN   | 27                   | 5     | 1983 |      |       |      | Huyện Thanh Trì, Hà Nội                                     | Học viện Tài Chính                                                     | Tài chính ngân hàng             | DTTS              | LSO01378    | 20           | VT        | VT        | VT      |    | LSO00163 |          |
| 156                                       | VY MẠNH          | TUẤN   | 3                    | 10    | 1993 |      |       |      | Thôn Keo, xã Minh Hòa, huện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn         | Đại học Kinh tế Đại học Quốc Gia Hà Nội                                | Tài chính ngân hàng             | DTTS              | LSO01395    | 20           | 55.00     | 66.25     | 65.00   |    | LSO00153 |          |
| 157                                       | TRIỆU THỊ        | TƯƠI   |                      |       |      | 1    | 3     | 1992 | Xóm Bãi Vàng, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn    | Đại học Thương Mại                                                     | Tài chính ngân hàng             | DTTS              | LSO01408    | 20           | 57.50     | 43.75     | 52.50   |    | LSO00092 |          |
| 158                                       | NGUYỄN KIM       | TUYẾN  |                      |       |      | 26   | 5     | 1993 | Huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn                               | Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh Đại học Thái Nguyên      | Quản lý kinh tế                 | DTTS              | LSO01411    | 20           | 62.50     | 51.25     | 55.00   |    | LSO00003 |          |
| 159                                       | BẾ MINH          | TUYỀN  | 21                   | 3     | 1988 |      |       |      | Tràng Định, Lạng Sơn                                        | Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội                                 | Tài chính                       | DTTS              | LSO01413    | 20           | 72.50     | 37.50     | 70.00   |    | LSO00081 |          |
| 160                                       | NGUYỄN HỒNG      | XIÊM   |                      |       |      | 13   | 5     | 1985 | Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội                                 | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân                                        | Kế toán tổng hợp                |                   | LSO01459    |              | 30.00     | 26.25     | 42.50   |    | LSO00082 |          |
| 161                                       | NGUYỄN HẢI       | YẾN    |                      |       |      | 18   | 9     | 1992 | Hữu Vĩnh, Hồng Quang, Ứng Hòa, Hà Nội                       | Trường Đại học Phương Đông                                             | Kế toán                         |                   | LSO01474    |              | 52.50     | 50.00     | 50.00   |    | LSO00045 |          |
| 162                                       | PHÙNG NGỌC       | YẾN    |                      |       |      | 27   | 12    | 1994 | Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang                   | Trường Đại học Trà Vinh                                                | Luật                            | DTTS              | LSO01484    | 20           | 45.00     | 50.00     | 37.50   |    | LSO00086 |          |
| II. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin   |                  |        |                      |       |      |      |       |      |                                                             |                                                                        |                                 |                   |             |              |           |           |         |    |          |          |
| 1                                         | DƯƠNG THỊ        | ĐIÊM   |                      |       |      | 24   | 8     | 1984 | Thôn Nà Riễn 2, xã Quỳnh Sơn, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn  | Trường Đại học công nghệ thông tin và truyền thông                     | Công nghệ thông tin             | DTTS              | LSO01491    | 20           | 65.00     | 30.00     |         |    | LSO00077 |          |
| 2                                         | NGUYỄN THỊ THANH | HÒA    |                      |       |      | 14   | 6     | 1989 | Lộc Yên, huyện Cao Lộc, tỉnhr Lạng Sơn                      | Học viện công nghệ bưu chính viễn thông                                | Kỹ thuật Điện tử Viễn thông     | DTTS              | LSO01496    | 20           | 55.00     | 52.50     |         |    | LSO00055 |          |
| 3                                         | DƯƠNG MẠNH       | HƯNG   | 7                    | 9     | 1980 |      |       |      | Xã Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn                    | Trường Đại học công nghệ thông tin và truyền thông                     | Công nghệ thông tin             | DTTS              | LSO01497    | 20           | 75.00     | 26.25     |         |    | LSO00011 |          |
| 4                                         | CHU XUÂN         | LỘC    | 23                   | 3     | 1993 |      |       |      | Xã Quang Lang, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn                | Đại học Công nghiệ thông tin và truyền thông Đại học Thái nguyên       | Hệ thống thông tin              | DTTS              | LSO01503    | 20           | 47.50     | 43.75     |         |    | LSO00060 |          |
| 5                                         | NGUYỄN TIẾN      | NAM    | 12                   | 2     | 1980 |      |       |      | Thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn          | Trường Đại học Dân Lập Đông Đô                                         | Điện tử Viễn thông              |                   | LSO01510    |              | VT        | VT        |         |    | LSO00168 |          |
| 6                                         | DƯƠNG THỊ        | THUYẾN |                      |       |      | 27   | 2     | 1989 | Nhất Hòa, Thị trấn Bắc Sơn, huện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn     | Trường Đại học Công nghệ thông tin và truyền thông Đại học Thái Nguyên | Công nghệ viễn thông            | DTTS              | LSO01520    | 20           | 72.50     | 36.25     |         |    | LSO00111 |          |
| 7                                         | NGUYỄN THỊ KIỀU  | TRINH  |                      |       |      | 17   | 9     | 1985 | Thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn          | Trường Đại học công nghệ thông tin và truyền thông                     | Công nghệ thông tin             |                   | LSO01522    |              | 70.00     | 37.50     |         |    | LSO00139 |          |
| III. Chuyên viên làm Văn thư lưu trữ      |                  |        |                      |       |      |      |       |      |                                                             |                                                                        |                                 |                   |             |              |           |           |         |    |          |          |
| IV. Cán sự làm Công nghệ thông tin        |                  |        |                      |       |      |      |       |      |                                                             |                                                                        |                                 |                   |             |              |           |           |         |    |          |          |
| V. Cán sự và Kiểm tra viên trung cấp thuế |                  |        |                      |       |      |      |       |      |                                                             |                                                                        |                                 |                   |             |              |           |           |         |    |          |          |
| VI. Cán sự làm Văn thư lưu trữ            |                  |        |                      |       |      |      |       |      |                                                             |                                                                        |                                 |                   |             |              |           |           |         |    |          |          |
| 1                                         | VY THỊ VÂN       | ANH    |                      |       |      | 5    | 2     | 1992 | Thôn Xuân Quang, xã Đại An, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn   | Học viện Hành chính Quốc gia                                           | Quản lý nhà nước                | DTTS              | LSO01616    | 20           | 68.00     | 42.00     | 68.00   |    | LSO00039 |          |
| 2                                         | CHU NGỌC         | ÁNH    |                      |       |      | 24   | 11    | 1991 | Huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn                               | Trường trung cấp công nghệ & Quản trị Đông Đô                          | Hành chính văn thư              | DTTS              | LSO01617    | 20           | 52.00     | 44.00     | 68.00   |    | LSO00137 |          |
| 3                                         | HOÀNG NGỌC       | HÂN    |                      |       |      | 14   | 4     | 1993 | Xã Hưng Vũ, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn                    | Học viện Hành chính Quốc gia                                           | Ngành Quản lý nhà nước          | DTTS              | LSO01619    | 20           | 44.00     | 80.00     | 60.00   |    | LSO00120 |          |
| 4                                         | NGHIÊM THỊ       | HƯƠNG  |                      |       |      | 11   | 7     | 1983 | Xã Nga An, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa                    | Học viện Hành chính Quốc Gia                                           | Hành chính học                  |                   | LSO01620    |              | 36.00     | 24.00     | 36.00   |    | LSO00075 |          |
| 5                                         | HOÀNG ĐÌNH       | HƯỜNG  | 8                    | 1     | 1989 |      |       |      | Thôn Xuân Quang, xã Đại Đồng, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn | Cao Đẳng sư phạm Thái Nguyên                                           | Quản trị Văn phòng- lưu trữ học | DTTS              | LSO01621    | 20           | 76.00     | 14.00     | 64.00   |    | LSO00158 |          |
| 6                                         | NÔNG ÁI          | NHI    |                      |       |      | 2    | 7     | 1993 | Thôn Kéo Có, xã Bảo Lâm, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn       | Trường Đại học Nội vụ Hà Nội                                           | Quản trị Văn phòng              | DTTS              | LSO01625    | 20           | 68.00     | 40.00     | 76.00   |    | LSO00150 |          |

| STT | Họ        | Tên   | Ngày, tháng năm sinh |       |     |      |       |      | Quê quán                                             | Cơ sở đào tạo                                 | Chuyên ngành đào tạo              | Đối tượng ưu tiên | Số báo danh | Điểm ưu tiên | Điểm thi  |           |         | Ghi chú | Mã hồ sơ |
|-----|-----------|-------|----------------------|-------|-----|------|-------|------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|---------|----------|
|     |           |       | Nam                  |       |     | Nữ   |       |      |                                                      |                                               |                                   |                   |             |              | NVụ CN TN | Ngoại ngữ | Tin học |         |          |
|     |           |       | Ngày                 | Tháng | Năm | Ngày | Tháng | Năm  |                                                      |                                               |                                   |                   |             |              |           |           |         |         |          |
| 1   | 2         | 3     | 4                    | 5     | 6   | 7    | 8     | 9    | 10                                                   | 11                                            | 12                                | 13                | 14          | 15           | 16        | 17        | 18      | 19      | 20       |
| 7   | VƯƠNG THỊ | SON   |                      |       |     | 27   | 2     | 1989 | Nà Kéo, Kháng Chiến, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn | Trường trung cấp công nghệ & Quản trị Đồng Đồ | Hành chính văn thư                | DTTS              | LSO01626    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | LSO00035 |
| 8   | HOÀNG THU | THÙY  |                      |       |     | 3    | 1     | 1984 | Xã Đại Đồng, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn         | Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn    | Lưu trữ học và Quản trị Văn Phòng | DTTS              | LSO01627    | 20           | 76.00     | 26.00     | 48.00   |         | LSO00172 |
| 9   | LÝ HÀ     | TRANG |                      |       |     | 11   | 10    | 1994 | Xã Tân Tri, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn             | Học viện Hành chính Quốc gia                  | Quản lý công                      | DTTS              | LSO01628    | 20           | VT        | VT        | VT      |         | LSO00083 |

ng